

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HSST
Ngày 22 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Ảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đồng Minh Sơn – Giáo viên Trường Trung học cơ sở Mê Linh.

Ông Hồ Quang Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phạm Trúc Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đặng Anh T (Tên gọi khác: Tiến Bắc) - sinh ngày 23 tháng 01 năm 1981 tại tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký thường trú: thôn Q, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; Nơi ở hiện tại: thôn B, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng T (chết) và bà Nguyễn Thúy N; vợ Nguyễn Thị Trúc M và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 07/5/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại bản án số 30/2010/HSST; chấp hành xong tù ngày 16/8/2015; bị tạm giữ ngày 03/10/2023; tạm giam ngày ngày 06/10/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Trần Văn T (Tên gọi khác: Tý Nga) - sinh ngày 15 tháng 12 năm 1999 tại huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa; trú tại: Tổ dân phố số x, thị trấn V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn

H và bà Trần Thị Thanh N; chưa có vợ - con; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án hình sự số: 41/2019/HSST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh xử phạt Trần Văn Thanh 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong ngày 15/11/2022.

Nhân thân: Ngày 19/4/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 26/2024/HSST; bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa từ ngày 14/11/2023. Có mặt.

- Bị hại: Cháu Phan Bảo L – sinh ngày 04/11/2017; trú tại: Thôn T, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của bị hại cháu Phan Bảo Long:

Bà Nguyễn Thị U – sinh năm: 1990; trú tại: Thôn T, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa là mẹ đẻ cháu Long (ủy quyền cho ông Phan Văn Phụng).

Ông Phan Văn P – sinh năm: 1988; trú tại: Thôn T, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Là cha đẻ cháu Long. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H - sinh năm: 1957; trú tại: Thôn Q, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Đỗ Cao H – sinh năm: 1989; trú tại: Thôn Q, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 06 giờ 00 phút ngày 30/9/2023, tại thôn Tân Đức Tây, xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, Trần Văn T điều khiển xe mô tô biển số 79V1- 071.39 chở Đặng Anh T đi ngang nhà chị Nguyễn Thị U thì Tiến và T thấy cháu Phan Bảo L (con của chị U) đang ngồi một mình cầm điện thoại di động chơi trước sân. T nói T quay lại để T chiếm đoạt điện thoại này thì T đồng ý rồi điều khiển xe quay lại dừng trước nhà chị U. T ngồi trên xe cảnh giới còn T đi bộ đến gần cháu L và dùng tay phải vỗ nhẹ vào trán cháu L làm cho cháu L mất tập trung rồi nhanh chóng giật điện thoại trên tay cháu L bỏ chạy ra ngoài để T chở Tiến chạy thoát. Trên đường chạy, T thấy bên trong ốp lưng điện thoại mới giật được có 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) nên T lấy tờ tiền này cất giữ và đưa điện thoại này cho T tìm nơi tiêu thụ. T chở T về nhà của Vũ Đức T ở tổ dân phố số 10, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, T ở lại còn T lấy xe mô tô biển số 79V1- 071.39 đi về nhà và trên đường đi đã tháo 02 (hai) gương chiếu hậu của xe mô tô vứt bỏ.

Tại nhà T, T nhờ Đỗ Cao H bán điện thoại di động này nhưng H không đồng ý. Sau đó, T đi bộ đến khu vực Cầu Vượt ở tổ dân phố số 1, thị trấn Vạn Giã và bán điện thoại này cho một người đàn ông lạ mặt được số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); T đưa cho Tiến 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), T giữ lại 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và cả hai đã tiêu xài hết số tiền nói trên. Ngày 03/10/2023, T đến Công an huyện Vạn Ninh đầu thú và khai báo toàn bộ sự việc.

Tại kết luận định giá tài sản số: 905/KL-TCKH.TTHS ngày 12/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Vạn Ninh kết luận:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro, model A2890, màu tím, 128GB: giá trị thiệt hại tài sản là 21.771.000 đồng;

+ 01 (một) ốp lưng điện thoại bằng nhựa dẻo, màu trắng trong suốt, loại ốp lưng điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro: giá trị thiệt hại tài sản là 90.000 đồng;

Cộng giá trị thiệt hại tài sản theo định giá là: 21.861.000 đồng (Hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Đỗ Cao H không biết điện thoại di động do T nhờ bán là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý đối với ông H.

Hiện tại, chưa xác định được lai lịch người đàn ông đã mua điện thoại di động do Thanh bán. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số: 17/CT-VKSVN ngày 27 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa truy tố để xét xử các bị cáo Đặng Anh T về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Văn T về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm g, điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Trần Văn T và Đặng Anh T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện hợp pháp của bị hại ông Phan Văn P xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo tội danh như trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Đặng Anh Tiến, áp dụng điểm g, điểm i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Trần Văn Thanh. Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Anh Tiến từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù và bị cáo Trần Văn Thanh từ 04 (bốn) năm tù đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Ông

Phan Văn Phụng yêu cầu các bị cáo T và T liên đới bồi thường bằng tiền đối với tài sản bị cướp giật có tổng trị giá là 22.361.000 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng). Mỗi bị cáo bồi thường 11.180.500 đồng. Tại phiên tòa bị cáo T đã bồi thường 5.600.000 đồng cho Nguyễn Thị U và ông Phan Văn P. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ông P, bị cáo T và bị cáo T là bị cáo T tiếp tục bồi thường 5.580.500 đồng và bị cáo T bồi thường 11.180.500 đồng cho ông P và U. Bà Trần Thị H đã nhận lại xe mô tô biển số 79V1- 071.39 và không có yêu cầu bồi thường về dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại là cháu Phan Bảo L là người dưới 16 tuổi, người đại diện hợp pháp của bị hại ông Phan Văn P, bà Nguyễn Thị U là cha mẹ đẻ của cháu Phan Bảo L có đơn không yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu L. Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt nhưng lời khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì vậy, căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vạn Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T và bị cáo Đặng Văn T đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 17/CT-VKSVN ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với các chứng cứ khác đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vạn Ninh thu thập được. Như vậy, đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 06 giờ 00 phút ngày 30/9/2023 tại thôn Tân Đức Tây, xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, Đặng Anh T và Trần Văn T đã có hành vi cướp giật tài sản gồm 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro, model A2890, màu tím, 128GB gắn ốp lưng bằng nhựa trong, bên trong ốp lưng có

01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng với tổng giá trị thiệt hại tài sản là 22.361.000 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng) từ cháu Phan Bảo L.

Theo quy định về tội Cướp giật tài sản tại điểm g, điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

“....2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:....

g) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;

...

i) Tái phạm nguy hiểm.”

Hành vi của các bị cáo T, T cướp giật tài sản gồm 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro, model A2890, màu tím, 128GB gắn ốp lưng bằng nhựa trong, bên trong ốp lưng có 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng của cháu Phan Bảo L - sinh ngày 04/11/2017 cháu Long mới 05 tuổi 10 tháng 26 ngày (dưới 16 tuổi) và nhanh chóng tẩu thoát, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Tội và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Anh T. Đối với bị cáo Trần Văn T đã bị kết án 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số: 41/2019/HSST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/11/2022, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội rất nghiêm trọng là tội “cướp giật tài sản” nên tội và hình phạt được quy định tại điểm g, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi cướp giật, chiếm đoạt tài sản của người khác. Nên xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, ngăn ngừa những hành vi tương tự.

- Xét vai trò của từng bị cáo:

+ Đối với bị cáo Đặng Anh T, là người khởi xướng việc cướp giật điện thoại, T đi bộ đến gần cháu Long và dùng tay phải vỗ nhẹ vào trán cháu L làm cho cháu L mất tập trung rồi nhanh chóng giật điện thoại trên tay cháu L bỏ chạy, là người trực tiếp thực hiện hành vi giật lấy điện thoại.

+ Đối với bị cáo Trần Văn T, khi nghe bị cáo T nói T quay lại để T chiếm đoạt điện thoại này thì T đồng ý ngay, là người cảnh giới và điều khiển xe chở T nhanh chóng tẩu thoát.

Nên các bị cáo phải chịu mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Cần xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, ngăn ngừa những hành vi tương tự.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Đặng Anh T chưa có tiền án, tiền sự, đã đầu thú, tại phiên tòa, bị cáo T đã bồi thường số tiền 5.600.000 đồng cho đại diện hợp pháp bị hại ông P bà U, ông P xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa:

+ Đại diện hợp pháp bị hại ông Phan Văn P yêu cầu các bị cáo T và T liên đới bồi thường bằng tiền đối với tài sản bị cướp giật có tổng trị giá là 22.361.000 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường 11.180.500 đồng (Mười một triệu một trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng) cho ông Phan Văn P, bà Nguyễn Thị U.

+ Tại phiên tòa, bị cáo T đã bồi thường cho ông P bà U số tiền 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng), ông P yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường 5.580.500 đồng và bị cáo T phải bồi thường 11.180.500 đồng cho ông P bà U, các bị cáo Đặng Anh T và Trần Văn T đồng ý bồi thường số tiền trên cho ông P bà U. Nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Phan Văn Phụng với các bị cáo Đặng Anh T và Trần Văn T. Hội đồng xét xử nên buộc bị cáo T bồi thường cho ông P bà U số tiền còn lại 11.180.500 đồng (Mười một triệu một trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng) và bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho ông P bà U là 5.580.500 đồng (Năm triệu năm trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng).

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ lời khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, xe mô tô biển số 79V1- 071.39 (không có gương chiếu hậu): xe do Trần Thị H mua nhưng nhờ con là Nguyễn Thị Trúc M đăng ký tên bà Mai trên giấy chứng nhận xe mô tô. Bà H và bà M không biết T, T sử dụng xe này làm phương tiện phạm tội

nên xe đã được trả lại cho Trần Thị H. Bà Trần Thị H đã nhận lại xe mô tô biển số 79V1- 071.39 và không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí:

- Án phí Hình sự: Các bị cáo Đặng Anh T và Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền 11.180.500 đồng x 5% = 559.025 đồng và bị cáo Đặng Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền 5.580.500 đồng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Đặng Anh T.

Xử phạt bị cáo Đặng Anh T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 03 tháng 10 năm 2023.

- Căn cứ vào điểm g, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Trần Văn T.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 14 tháng 11 năm 2023.

- Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự.

+ Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Phan Văn P với các bị cáo Đặng Anh T và Trần Văn T.

Bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại ông Phan văn P và bà Nguyễn Thị U số tiền 11.180.500 đồng (Mười một triệu một trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng).

Bị cáo Đặng Anh T bồi thường số tiền còn lại cho đại diện hợp pháp của bị hại ông Phan văn P và bà Nguyễn Thị U là 5.580.500 đồng (Năm triệu năm trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng).

Quy định: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

+ Không xét về việc bồi thường thiệt hại giữa các bị cáo Đặng Anh T, Trần Văn T với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị H.

- Về án phí:

+ Án phí Hình sự: Bị cáo Đặng Anh T và bị cáo Trần Văn T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

+ Án phí dân sự: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 559.025 đồng (Năm trăm năm mươi chín nghìn không trăm hai mươi lăm đồng). Bị cáo Đặng Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

- Quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; quyền kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) là 15 ngày, kể từ bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Công an huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ THA;
- Lưu: VT, HSVA, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Ảnh